



Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Chương trình “Phát triển hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đối với giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm giai đoạn 2022 - 2030”**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014 ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Chương trình “Phát triển hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đối với giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm giai đoạn 2022 - 2030” (sau đây gọi tắt là Chương trình) với những nội dung sau đây:

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu chung:**

Phát triển hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm Việt Nam đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng Khung bảo đảm chất lượng ASEAN, góp phần quan trọng thúc đẩy tự chủ giáo dục đại học, nâng cao chất lượng giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm.

*Ngô Lê Dũng  
Văn phòng chụp và  
gửi cho tất cả Lãnh  
đạo và Thủ lý trực tiếp  
lưu.  
19/1/22*

## 2. Mục tiêu cụ thể giai đoạn 2022 - 2025:

Hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong các cơ sở giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm (sau đây gọi chung là cơ sở đào tạo) được cơ bản hoàn thành; năng lực hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm được nâng cao, cụ thể:

a) 100% cơ sở đào tạo hoàn thành hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong với mục tiêu, chính sách, nguồn lực, nhiệm vụ, kế hoạch, các quy trình bảo đảm chất lượng và hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng được xác định rõ ràng phù hợp với sứ mạng, mục tiêu và điều kiện thực tế của cơ sở đào tạo trong từng giai đoạn trên cơ sở các bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trong nước và nước ngoài;

b) 100% cơ sở đào tạo hoàn thành tự đánh giá, 95% cơ sở đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng chu kỳ kiểm định lần thứ nhất; 70% cơ sở đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng chu kỳ kiểm định lần thứ hai;

c) 35% số chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng theo chu kỳ kiểm định lần thứ nhất; trong đó có ít nhất 10% số chương trình đào tạo đạt theo tiêu chuẩn nước ngoài (sau đây gọi là kiểm định quốc tế), 100% số chương trình đào tạo giáo viên các trình độ đạt tiêu chuẩn chất lượng;

d) 100% các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục được đánh giá đạt tiêu chuẩn đánh giá theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; 10% các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục được đánh giá đạt theo tiêu chuẩn đánh giá của tổ chức bảo đảm chất lượng quốc tế;

đ) 50% tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục trong nước tham gia vào mạng lưới các tổ chức bảo đảm chất lượng quốc tế hoặc có thoả thuận hợp tác quốc tế trong việc công nhận kết quả kiểm định lẫn nhau;

e) Có ít nhất 750 người được cấp thẻ kiểm định viên; 100% kiểm định viên được bồi dưỡng chuyên sâu về công tác bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục trong đó có 5% kiểm định viên có chứng nhận và tham gia hoạt động kiểm định quốc tế;

g) 90% công chức và 70% viên chức, người lao động trong cơ quan quản lý nhà nước và cơ sở đào tạo làm việc ở các vị trí về bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục được bồi dưỡng chuyên sâu nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu tham mưu xây dựng và thực thi chính sách, quy định về bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục; trong đó có 20% được tập huấn, đào tạo bởi chuyên gia quốc tế và khu vực.

## 3. Mục tiêu cụ thể giai đoạn 2026 - 2030:

Phát triển hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong cơ sở giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm; phát triển bền vững hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm:

a) 100% cơ sở đào tạo phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong để thực thi hiệu quả mục tiêu chiến lược và văn hóa chất lượng của cơ sở đào tạo;

b) 100% cơ sở đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng theo các chu kỳ kiểm định phù hợp (chu kỳ kiểm định lần thứ nhất với cơ sở đào tạo mới có một khóa người học tốt nghiệp hoặc các chu kỳ kiểm định tiếp theo với cơ sở đào tạo đã đạt kiểm định chất lượng giai đoạn trước năm 2025);

c) 80% số chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng chu kỳ kiểm định lần thứ nhất hoặc lần thứ hai; trong đó có ít nhất 20% số chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng kiểm định quốc tế, 100% số chương trình đào tạo giáo viên các trình độ đạt tiêu chuẩn chất lượng;

d) 100% các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục trong nước tự đánh giá theo khung tiêu chuẩn đánh giá của khu vực ASEAN, trong đó 20% đạt theo tiêu chuẩn đánh giá của tổ chức bảo đảm chất lượng quốc tế;

đ) 100% tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục trong nước tham gia các tổ chức bảo đảm chất lượng quốc tế hoặc có thoả thuận hợp tác quốc tế trong việc công nhận kết quả kiểm định lẫn nhau;

e) Có ít nhất 1500 người được cấp thẻ kiểm định viên; 100% kiểm định viên được bồi dưỡng định kỳ, chuyên sâu về công tác bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục. 7% kiểm định viên có chứng nhận và tham gia hoạt động kiểm định quốc tế;

g) 100% công chức, viên chức, người lao động làm việc ở các vị trí trong cơ quan quản lý nhà nước và cơ sở đào tạo về bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục được bồi dưỡng chuyên sâu về nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu tham mưu xây dựng và thực thi chính sách, quy định về bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục, trong đó có 35% được tập huấn, đào tạo bởi chuyên gia quốc tế và khu vực.

## **II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

1. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy định về bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đối với giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm

a) Rà soát, xây dựng và hoàn thiện các chính sách, cơ chế, tiêu chuẩn, quy trình, biện pháp để phát triển và nâng cao chất lượng hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm, trong đó có các chính sách khuyến khích, hỗ trợ đối với các giảng viên của cơ sở giáo dục đại học tham gia hoạt động bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục;

b) Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về kiểm định chất lượng giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm; xác định mô hình tổ chức bộ máy kiểm định chất lượng giáo dục bảo đảm cho việc phát triển bền vững hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục;

c) Ban hành Khung bảo đảm chất lượng giáo dục đại học và cao đẳng sư

phạm bảo đảm thực hiện Khung trình độ quốc gia Việt Nam, phù hợp với chuẩn mực và thông lệ của khu vực và thế giới.

2. Nâng cao năng lực của hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong các cơ sở đào tạo

a) Xây dựng, kiện toàn hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong cơ sở đào tạo để thực thi hiệu quả sứ mạng, mục tiêu của cơ sở đào tạo;

b) Xây dựng và phát triển hệ thống thông tin, truyền thông bên trong và bên ngoài, cơ sở dữ liệu bảo đảm chất lượng và quy trình quản lý chất lượng, thực hiện trách nhiệm giải trình và công khai thông tin theo quy định;

c) Bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, viên chức, giảng viên làm công tác bảo đảm chất lượng trong các cơ sở đào tạo và chương trình đào tạo; có chính sách khuyến khích cán bộ bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục của các cơ sở đào tạo tham gia các đoàn đánh giá ngoài của các tổ chức kiểm định khu vực và thế giới.

3. Phát triển, nâng cao năng lực các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục

a) Mở rộng mạng lưới các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục cho một số lĩnh vực chuyên sâu đặc thù, bảo đảm liên thông, liên kết, hợp tác hiệu quả; bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định khi thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục các cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng; tổ chức, sắp xếp các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục công lập đáp ứng theo yêu cầu của Luật Giáo dục đại học;

b) Đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục của các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục và cơ sở giáo dục; thiết lập hệ thống công nghệ thông tin kết nối dữ liệu kiểm định chất lượng giáo dục và dữ liệu đầu vào, đầu ra của cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo;

c) Tăng cường các chương trình hợp tác giữa các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục Việt Nam với các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nước ngoài và các tổ chức bảo đảm chất lượng quốc tế nhằm nâng cao năng lực cho các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục; có chính sách khuyến khích cán bộ bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục của các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục tham gia các đoàn đánh giá ngoài của các tổ chức kiểm định khu vực và thế giới.

4. Tăng cường năng lực cho đội ngũ công chức làm công tác xây dựng chính sách về bảo đảm và kiểm định chất lượng; nâng cao chất lượng và bảo đảm về số lượng kiểm định viên đáp ứng theo các tiêu chuẩn quốc gia và tiệm cận tiêu chuẩn quốc tế

a) Bồi dưỡng chuyên sâu, nâng cao năng lực cho đội ngũ công chức của cơ quan quản lý nhà nước làm công tác xây dựng chính sách về bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục;

b) Bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ kiểm định viên theo tiêu chuẩn trong nước và quốc tế, bảo đảm có đủ số lượng và năng lực để triển khai hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm;

c) Định kỳ tổ chức sát hạch cấp thẻ kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục nhằm tăng cường số lượng và nâng cao năng lực của đội ngũ kiểm định viên, đánh giá viên;

d) Tổ chức các khóa tập huấn trong nước, có sự tham gia của các đối tác quốc tế uy tín nhằm nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục của các cơ sở đào tạo, các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục và cơ quan quản lý nhà nước.

5. Tăng cường vai trò của cơ quan quản lý nhà nước, sự tham gia của các bên liên quan, đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục

a) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực thi chính sách bảo đảm và kiểm định chất lượng của cơ sở đào tạo; giám sát và đánh giá hoạt động của các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục theo đúng quy định của pháp luật;

b) Tăng cường sự tham gia và hợp tác của các bên liên quan vào hoạt động bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục; tăng cường sự phối hợp giữa các bên liên quan trong việc soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo hoạt động bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục;

c) Tăng cường hợp tác giữa các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục với các tổ chức bảo đảm, kiểm định chất lượng quốc tế và cơ quan quản lý nhà nước của các quốc gia khác nhằm chia sẻ kinh nghiệm, nâng cao năng lực làm chính sách và quản lý nhà nước trong các lĩnh vực liên quan đến bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục;

d) Đẩy mạnh công tác truyền thông nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các bên liên quan về hoạt động bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục.

### **III. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình từ nguồn ngân sách nhà nước được giao trong dự toán hằng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Bộ, ngành, địa phương, các cơ sở giáo dục và đào tạo và các bên liên quan theo quy định của pháp luật ngân sách nhà nước hiện hành.

### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Bộ Giáo dục và Đào tạo**

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan lập kế hoạch, hướng dẫn tổ chức thực hiện Chương trình; chỉ đạo các cơ sở đào tạo trong việc thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ của Chương trình và kiểm tra việc thực hiện;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng các cơ chế, chính sách về kiểm định chất lượng giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm trình Chính phủ ban hành; xây dựng Khung bảo đảm chất lượng giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm;

c) Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình; tổng hợp kết quả triển khai thực hiện Chương trình trong phạm vi cả nước theo năm và từng giai đoạn, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

## 2. Bộ Tài chính

Trên cơ sở đề xuất về kinh phí của các Bộ, cơ quan Trung ương tham gia thực hiện Chương trình, Bộ Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Chương trình trong dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm của các bộ, cơ quan trung ương theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước.

## 3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các Bộ, ngành liên quan tổng hợp, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm để thực hiện các chương trình, dự án được cơ quan thẩm quyền phê duyệt theo quy định để triển khai Chương trình.

## 4. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc chỉ đạo, triển khai công tác bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có các ngành đào tạo giáo viên.

## 5. Các bộ, cơ quan ngang bộ

a) Chỉ đạo các cơ sở đào tạo trực thuộc, căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình để cụ thể hóa nội dung triển khai trong các chương trình, kế hoạch nâng cao chất lượng đào tạo, phục vụ phát triển kinh tế, xã hội của địa phương và của ngành;

b) Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo trong xây dựng chính sách và bố trí nguồn lực, hỗ trợ công tác bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục cho các cơ sở đào tạo trực thuộc;

c) Tổ chức đánh giá kết quả thực hiện theo đúng mục tiêu Chương trình, hằng năm gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

## 6. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Chỉ đạo các cơ sở đào tạo của địa phương hoặc của các bộ, ngành đóng trên địa bàn thực hiện tốt công tác bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục;

b) Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo trong xây dựng chính sách, bố trí nguồn lực, hỗ trợ công tác bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục cho các cơ sở đào tạo trực thuộc.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban Văn hóa, Giáo dục của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam;
- Hội Khuyến học Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTgCP, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2b), ĐND. 105



**KT. THỦ TƯỚNG  
PHÓ THỦ TƯỚNG**

**Vũ Đức Đam**